

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
THÀNH PHỐ H**

Số: **497/2022/QĐST- HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Đ, ngày 27 tháng 7 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TP. H**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 445/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Nơi ở: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh T

Bị đơn: Anh **Lê Hữu H** – sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Nơi ở: Thôn G, xã L, huyện Đ, thành phố  
H

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hữu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hữu H có 01 con chung là Lê Nguyễn Bảo N - sinh ngày 22/8/2016. Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Bảo N cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác của Tòa án. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- **Về tài sản của vợ chồng, nợ chung, công sức đóng góp:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị T xin tự nguyện chịu cả, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0046722 ngày 11/7/2022tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả lại chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ
- Ủy ban nhân dân xã L  
(Số ĐKKH 43 ngày 11/5/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Võ Lương Vân**